

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/DS-ST

Ngày: 18/8/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nguyên

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Anh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S. Địa chỉ: Số 266-268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đ T D – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Kha Đ T, sinh năm 1983 – Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch Tân Châu. Ông Kha Đ T ủy quyền lại cho ông Phạm M T, sinh năm 1982; Chức vụ: Phó phòng giao dịch Tân Châu – Chi nhánh An Giang (giấy ủy quyền ngày 21/02/2023). Địa chỉ: Số 231, đường Tôn Đức Thắng, phường L T, thị xã T C, tỉnh A G (ông Thành có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn T N, sinh năm 1959 và ông Tăng X B, sinh năm 1960. Cùng cư trú: Số 193, Tổ 7, khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phạm M T trình bày:

Ngày 07/01/2022, Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) có xác lập hợp đồng tín dụng số 202226496140 với bà Nguyễn T N và ông Tăng X B. Số tiền vay là 150.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 10/01/2022, mục đích vay là để bổ sung vốn nuôi cá, thời hạn vay là 03 năm. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 10,5%/năm áp dụng cho 06 tháng đầu tiên, định kì điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn đối với nợ gốc bị quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: tiền lãi trả vào ngày 20 hàng tháng, vốn trả cuối kì.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Nguyễn T N và ông Tăng X B có ký hợp đồng thế chấp số 202226496140 ngày 07/01/2022 với Ngân hàng, tài sản là quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20, diện tích 112m², tọa lạc tại khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, tỉnh A G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH19402681 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 28/4/2014, được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Tân Châu ngày 07/01/2022 và công chứng tại Văn phòng Công chứng Phan Văn Tỷ, tỉnh An Giang.

Quá trình vay, bà Nguyễn T N và ông Tăng X B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn là 8.570.436 đồng, tiền lãi là 15.493.750 đồng (theo bảng kê tính lãi đính kèm). Từ ngày 18/3/2023 đến nay, bà N và ông B không có thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, đôn đốc việc trả nợ nhưng bà N và ông B không có thiện chí thanh toán nợ, vi phạm hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày 18/8/2023, bà Nguyễn T N và ông Tăng X B còn nợ 162.001.257 đồng (trong đó; nợ gốc là 141.429.564 đồng, nợ lãi trong hạn 12.786.824, lãi quá hạn là 6.393.412 đồng, lãi phạt 183.124 đồng).

Ngày 20/5/2020, bà Nguyễn T N có ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 14329267 với Ngân hàng TMCP S, hạn mức sử dụng thẻ tín dụng là 30.000.000 đồng, với lãi suất là 31,2%/năm.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N và ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.921.063 đồng. Bà N và ông B đã thanh toán được số tiền 15.900.000 đồng (theo bảng sao kê thẻ tín dụng đính kèm). Đến ngày 16/5/2022, bà N không có thực hiện trả nợ cho Ngân hàng như đã ký kết, qua nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc nhưng bà N không có thiện chí thanh toán nợ, vi phạm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18/8/2023, bà N còn nợ số tiền tổng cộng đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng là: 55.722.130 đồng (trong đó: dư nợ gốc là 35.184.776 đồng; lãi trong hạn là 13.691.569 đồng, lãi quá hạn 6.845.785 đồng).

Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn T N và ông Tăng X B cùng có trách nhiệm thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 18/8/2023 với số tiền tổng cộng là 217.723.386 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi vay phát sinh sau ngày 18/8/2023 với lãi suất theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng như đã ký kết cho đến khi bà N và ông B thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP S. Đồng thời, Ngân hàng TMCP S yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 202226496140 ngày 07/01/2022 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S với bà Nguyễn T N và ông Tăng X B để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Bị đơn bà Nguyễn T N và ông Tăng X B cùng trình bày:

Ông bà thừa nhận ngày 07/01/2022 có xác lập hợp đồng tín dụng số 202226496140 với Ngân hàng TMCP S và hiện nay còn nợ số tiền tạm tính đến ngày 18/8/2023 với số tiền tổng cộng vốn và lãi là 162.001.257 đồng như đại diện của Ngân hàng đã trình bày nêu trên. Quá trình vay, ông bà thừa nhận đã vi phạm hợp đồng như không thực hiện trả lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận hợp đồng ký kết.

Ông bà cũng thừa nhận ngày 20/5/2020, bà Nguyễn T N có ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 14329267 với Ngân hàng TMCP S, hạn mức là 30.000.000 đồng. Tính đến ngày 18/8/2023, ông bà còn nợ số tiền tổng cộng đối với hợp đồng cấp thẻ tín dụng là 55.722.130 đồng.

Tại phiên tòa, bà N và ông B xin được tiếp tục thực hiện lại hợp đồng và hện trả mỗi tháng cho Ngân hàng số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Đối với tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng hiện nay do ông bà đang quản lý, sử dụng, vẫn còn thực hiện theo hợp đồng thế chấp đã ký kết, không có chuyển nhượng, cầm cố, cho thuê, tặng cho, thế chấp... cho tổ chức, cá nhân nào khác.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/7/2023, tài sản của bà Nguyễn T N và ông Tăng X B đã thế chấp cho Ngân hàng vẫn còn nguyên hiện trạng và duy trì theo hợp đồng hợp đồng thế chấp số 202226496140 ngày 07/01/2022.

Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, thực hiện hòa giải nhưng không thành. Ngoài các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp, các đương sự không cung cấp, giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự...đều thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và yêu cầu của người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bà Nguyễn T N và ông Tăng X B cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng với số tiền tổng cộng là 217.723.386 đồng. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 202226496140 ngày 07/01/2022 để đảm bảo cho việc thi hành án. Bà N và ông B phải chịu chi phí tố tụng, bà Nguyễn T N và ông Tăng X B là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn T N và ông Tăng X B cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng, bị đơn cùng trú tại: khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, tỉnh A G. Xét yêu cầu của đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn T N và ông Tăng X B cùng có trách nhiệm thanh toán một lần số tiền theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 18/8/2023 là 217.723.386 đồng, ngoài ra bà N và ông B còn phải chịu tiền lãi, phí phạt phát sinh kể từ sau ngày 18/8/2023 theo mức lãi suất của hợp đồng tín dụng và lãi suất của hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi bà N, ông B thanh toán hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng. Đồng thời, yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp đã ký kết để đảm bảo việc thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét, giữa Ngân hàng với bà Nguyễn T N và ông Tăng X B có thỏa thuận, xác lập hợp đồng tín dụng số 202226496140 ngày 07/01/2022, hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 14329267 ngày 20/5/2020 và hợp đồng thế chấp số 202226496140 ngày 07/01/2022 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, hình thức của hợp đồng tuân thủ quy định của pháp luật. Các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại các Điều 117, 119, 295, 318, 463 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hợp đồng được ký kết giữa hai bên có hiệu lực pháp luật và hai bên cùng có nghĩa vụ thực hiện. Bà Nguyễn T N và ông Tăng X B không thực hiện đúng và trách nhiệm của bên vay, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà N, ông B có trách nhiệm trả một lần số tiền vốn đã vay là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ.”* và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, cụ thể *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*.

[2.3] Xét lời trình bày của bị đơn: Tại phiên tòa, bà Nguyễn T N và ông Tăng X B thừa nhận có xác lập hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với hai hợp đồng đã ký kết, hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 217.723.386 đồng, không có khả năng thanh toán một lần, xin tiếp tục thực hiện lại hợp đồng và trả mỗi tháng cho Ngân hàng với số tiền

5.000.000 đồng nhưng không được phía Ngân hàng đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu tính lãi: Hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng được xác lập giữa Ngân hàng với bà Nguyễn T N và ông Tăng X B có thỏa thuận về vi phạm nghĩa vụ trả lãi. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lãi là có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 91 luật Các tổ chức tín dụng. Kể từ ngày 19/8/2023, bà Nguyễn T N và ông Tăng X B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà N, ông B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

Từ những nhận định nêu trên, cần buộc bà Nguyễn T N và ông Tăng X B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền theo hợp đồng tín dụng là 162.001.257 đồng (trong đó; nợ gốc là 141.429.564 đồng, nợ lãi trong hạn 12.786.824, lãi quá hạn là 6.393.412 đồng, lãi phạt 183.124 đồng) và hợp đồng cấp thẻ tín dụng là 55.722.130 đồng (trong đó: dư nợ gốc là 35.184.776 đồng; lãi trong hạn là 13.691.569 đồng, lãi quá hạn 6.845.785 đồng). Tổng cộng là: 217.723.386 (hai trăm mười bảy triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng) đồng.

[2.5] Xét yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền với đất thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20, diện tích 112m², tọa lạc tại khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, tỉnh A G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH19402681 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp ngày 28/4/2014 theo hợp đồng thế chấp số 202226496140 ngày 07/01/2022 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 95 luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, Ngân hàng đã tạm ứng chi phí số tiền 600.000 đồng, Tòa án đã thực chi 600.000 đồng và đã quyết toán với Ngân hàng theo biên bản quyết toán ngày 26/7/2023, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn bà Nguyễn T N và ông Tăng X B phải chịu chi phí tố tụng, do đó cần buộc bà N và ông B phải trả lại cho Ngân hàng số tiền 600.000 đồng chi phí tố tụng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Nguyễn T N và ông Tăng X B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tại phiên tòa có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 158, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Nguyễn T N và ông Tăng X B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng, tổng cộng là 217.723.386 (*hai trăm mười bảy triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm tám mươi sáu đồng*) đồng.

Kể từ ngày 19/8/2023, bà Nguyễn T N và ông Tăng X B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà N, ông B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S.

2. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số: 202226496140 ngày 07/01/2022 để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn T N và ông Tăng X B phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 600.000 (*sáu trăm nghìn*) đồng.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn T N và ông Tăng X B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 4.962.000 (*bốn triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0006907 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Sang